TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **44**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 01/8/2018
V/v ly hôn giữa chị Đ và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mười
2. Ông Nguyễn Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Trần Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre *tham gia phiên tòa:* bà Lê Thị Ngọc Phấn – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 296/2018/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Đ, sinh năm 1984;
Trú tại: ấp Đ, xã An H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: anh Huỳnh T, sinh năm 1984.
Trú tại: ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Chị Đ và anh T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các biên bản làm việc trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Đ trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Huỳnh T kết hôn vào năm 2012, hôn nhân do anh chị tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 19/12/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T ham chơi, cờ bạc không lo cho gia đình. Chị đã khuyên nhiều lần nhưng không có kết quả nên từ tháng 10/2017 chị đã về nhà mẹ ruột của chị sống đến nay. Nay tình cảm vợ chồng giữa chị với anh T không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: chị và anh T có 01 con chung tên Huỳnh N, sinh ngày 23/6/2014, con chung hiện nay đang sống với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng đến khi con tròn 18 tuổi. Hiện nay, chị làm công nhân may ở khu công nghiệp H, thu nhập của chị bình quân mỗi tháng 6.000.000 đồng, thời gian làm việc của chị từ 7 giờ sáng đến khoảng 19 giờ. Trong thời gian ly thân, chị trực tiếp nuôi con, chị luôn đảm bảo tốt việc chăm sóc con và luôn đảm bảo quyền chăm sóc con cho anh T.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Theo các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Huỳnh T trình bày:

Về hôn nhân: anh thừa nhận lời trình bày của chị Nguyễn Đ về thời gian anh và chị Đ kết hôn, thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống như chị Đ trình bày là đúng. Anh thừa nhận trong thời gian vợ chồng chung sống anh có chơi cờ bạc và thường đi chơi nên chị Đ giận bỏ về nhà mẹ vợ sống từ tháng 10/2017 đến nay. Từ khi ly thân đến nay, anh cũng đã gặp chị Đ nhiều lần để năn nỉ chị Đ trở về chung sống nhưng chị Đ không đồng ý. Nay chị Đ yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì anh còn thương vợ con, anh mong muốn vợ chồng cùng lo cho con.

Về nuôi con chung: anh và chị Đ có 01 con chung tên Huỳnh N, sinh ngày 23/6/2014, con chung hiện nay đang sống với chị Đ. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ thì anh yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con. Nghề nghiệp của anh là buôn bán ở chợ, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 6.000.000đồng. Anh bán ở chợ vào buổi sáng từ khoảng 6 giờ sáng đến khoảng 11 giờ. Trong thời gian ly thân, anh thường xuyên đến thăm và rước con về chơi, anh xác nhận con vẫn phát triển bình thường. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Đ thì anh đồng ý mức cấp dưỡng mà chị Đ yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung: trong thời gian chung sống, chị Đ và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T cờ bạc, thường xuyên đi chơi không lo cho gia đình. Cũng từ nguyên nhân này mà chị Đ và anh T đã ly thân từ tháng 10/2017 đến nay. Anh T không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh T đã trầm trọng, hôn nhân có kéo dài cũng không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ. Về con chung, trong thời gian ly thân chị Đ trực tiếp nuôi con và chị đã đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Đ; chị Đ và anh T thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đồng nên đề nghị Tòa án ghi nhận. Về tài sản chung và nợ chung, chị Đ và anh T cùng thống nhất tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: chị Nguyễn Đ và anh Huỳnh T kết hôn vào năm 2012, hôn nhân do anh chị tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào ngày 19/12/2012 (số 66/2012 quyển số 01/2011) nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T cờ bạc, thường xuyên đi chơi không lo cho gia đình. Cũng từ nguyên nhân này mà anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2017 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tiến hành hòa giải để hai bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Tại tòa, chị Đ cương quyết xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn nhưng anh xác định vợ chồng anh không thể hàn gắn và không thể sống chung được nữa. Điều đó cho thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì tình trạng này sẽ ảnh hưởng đến đời sống bình thường của các thành viên trong gia đình nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ.

[2] Về nuôi con chung: chị Đ và anh T có 01 con chung tên Huỳnh N, sinh ngày 23/6/2014. Chị Đ và anh T cùng yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy, trong thời gian ly thân chị Đ trực tiếp nuôi con chung; anh T thừa nhận trong thời gian ly thân cháu N luôn được chăm sóc tốt, chị Đ có tạo điều kiện để anh cùng chăm sóc con; chị Đ cũng có công việc và thu nhập ổn định hàng tháng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung và không làm xáo trộn cuộc sống hiện nay của cháu, Hội đồng xét xử giao cháu N cho chị Đ trực tiếp nuôi là phù hợp theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị Đ yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Tại phiên tòa, anh T đồng ý mức cấp dưỡng mà chị Đ yêu cầu nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản: chị Đ và anh T thống nhất anh chị không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: chị Đ phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng. Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000đồng.

[5] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chị Nguyễn Đ được ly hôn với anh Huỳnh T.

2. Về nuôi con chung: chị Đ được trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh N, sinh ngày 23/6/2014; anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: chị Đ và anh T cùng thống nhất anh chị không có tài sản chung và không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: chị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Đài đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017026 ngày 31/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành; chị Đ đã nộp đủ án phí.

Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và anh T còn phải nộp số tiền này.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo qui định tại điều 02 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được qui định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã H, Châu Thành, BT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Ngọc Huyền